

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 9 - 2020

*V/v Tranh chấp hôn nhân và
gia đình.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Quốc Chinh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Thanh Nhung

Bà Nguyễn Thị Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Hường – C/v kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 09 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 06 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020. Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020. Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020.

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thúy L - SN: 1985

Địa chỉ: Số nhà 42, thôn 03, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Khánh D – SN: 1985

Địa chỉ: Số nhà 42, thôn 03, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ: Thôn 04, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/05/2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, và lời khai tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Bùi Thúy L trình bày:

Chị L và anh Lê Khánh D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 26 tháng 9 năm 2007. Trong thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc và đã có 02 con chung Lê Bùi Ánh D – SN: 04/9/2008; Lê Trung K – SN: 30/3/2014, tuy nhiên từ ngày chị sinh con, anh D thay đổi tình nết, không quan tâm con cái, không có trách nhiệm với gia đình, anh D thường chơi bời, nghiện ma túy, bán hết đồ đạc trong gia đình. Anh D nhiều lần trộm cắp tài sản vào năm 2011, 2017 bị Tòa án xử phạt tù phải chấp hành án, sau khi ra trại, đến năm 2019 anh D tiếp tục nghiện ma túy, bị xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Chị thấy tình cảm giữa chị và anh Lê Khánh D không còn nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ea Súp giải quyết cho được ly hôn với anh Lê Khánh D.

Về con chung: Chị và anh Lê Khánh D có 02 con chung Lê Bùi Ánh D – SN: 04/9/2008; Lê Trung K – SN: 30/3/2014. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cả 02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh Lê Khánh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/7/2020 bị đơn anh Lê Khánh D trình bày: Anh và chị L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 26 tháng 9 năm 2007. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên do công việc của anh lái xe đường dài nên đã sử dụng ma túy mặc dù vậy anh không chửi mắng, ngược đãi vợ con. Nay anh đã nhận ra sai trái của mình mong chị L suy nghĩ lại cho anh được chăm sóc gia đình con cái, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Bùi Thúy L không có con nuôi, con riêng, anh, chị chỉ có 02 con chung Lê Bùi Ánh D – SN: 04/9/2008; Lê Trung K – SN: 30/3/2014. Nay anh không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án xác minh đại diện ban tự quản, hội phụ nữ thôn 03, thị trấn E trình bày: Trong quá trình chị L, anh D sinh sống ở địa phương không thấy cãi, chửi nhau tuy nhiên anh D nhiều lần vi phạm pháp luật, nghiện ma túy, hầu hết thời gian anh D phải đi trại cải tạo không có thời gian chăm sóc gia đình, vợ con nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh D.

Cháu Lê Bùi Ánh D trình bày: Cháu muốn ở với mẹ vì mẹ cháu quan tâm, yêu thương cháu hơn. Bố cháu nghiện ma túy, cháu sợ bố cháu đánh nên rất sợ ở với bố.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 12 tháng 8 năm 2020 nguyên đơn đã được tiếp cận, thống nhất với chứng cứ đã được công khai và không thay đổi bổ sung đơn khởi kiện hay chứng cứ gì mới, không yêu cầu triệu tập đương sự khác đến tham gia phiên tòa.

Đối với bị đơn anh Lê Khánh D, Tòa án đã tiến hành ủy thác tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các chứng cứ nguyên đơn giao nộp, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên anh D đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 96, 97, 98, 175, 176, 197, 198, 204 và 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thúy L, xử cho chị Bùi Thúy L được ly hôn với anh Lê Khánh D, về con chung giao 02 con chung Lê Bùi Ánh D và Lê Trung Ki cho chị Bùi Thúy L nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Lê Khánh D phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Bùi Thúy L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Khánh D có nơi cư trú số nhà 42, thôn 03, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục: Đối với bị đơn anh Lê Khánh D trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các chứng cứ nguyên đơn giao nộp, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên anh D đều vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xử vắng mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy chị Bùi Thúy L và anh Lê Khánh D tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 26 tháng 9 năm 2007 đúng theo quy định của

pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thúy L và anh Lê Khánh D là hợp pháp. Trong thời gian chung sống anh, chị nảy sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh D thường chơi bời, nghiện ma túy, bán hết đồ đạc trong gia đình, nhiều lần trộm cắp tài sản vào năm 2011, 2017 bị Tòa án xử phạt tù phải chấp hành án, sau khi ra trại, đến năm 2019 anh D tiếp tục nghiện ma túy, bị xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Xét tình cảm, hạnh phúc của anh D, chị L không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị L, xử cho chị Bùi Thúy L được ly hôn với anh Lê Khánh D.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con của chị Bùi Thúy L, Hội đồng xét xử nhận thấy chị L làm nghề nông, thu nhập không ổn định, tuy nhiên từ năm 2013 tới nay việc chăm sóc, giáo dục con đều do một mình chị L nuôi dưỡng, các cháu được giáo dục, chăm sóc, phát triển khỏe mạnh, đối với anh Lê Khánh D qua việc xác minh từ chính quyền địa phương thì từ năm 2013 tới nay anh D luôn vi phạm pháp luật bị xử phạt phải đi chấp hành cải tạo nên thường không có mặt tại địa phương. Ngày 11/10/2019 Tòa án nhân dân huyện E ra Quyết định xử lý hành chính số: 07/2019/QĐ – TA đưa anh Lê Khánh D vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng, Hội đồng xét xử không có cơ sở để giao con chung cho anh D nuôi dưỡng mà cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Bùi Thúy L, giao các cháu Lê Bùi Ánh D – SN: 04/9/2008; Lê Trung K – SN: 30/3/2014 cho chị L nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và cũng theo nguyện vọng của các cháu muốn ở với mẹ là phù hợp. Về cấp dưỡng chị Bùi Thúy L không yêu cầu anh Lê Khánh D cấp dưỡng nuôi con nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản và công nợ: Chị Bùi Thúy L và anh Lê Khánh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án Chị Bùi Thúy L chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 266, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thúy L, xử cho chị Bùi Thúy L được ly hôn với anh Lê Khánh D.

Về con chung: Giao cháu Lê Bùi Ánh D – SN: 04/9/2008; Lê Trung K – SN: 30/3/2014 cho chị Bùi Thúy L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Lê Khánh D không phải cấp dưỡng nuôi con, chị L không được quyền ngăn cản anh Lê Khánh D đến thăm nom chăm sóc con chung.

Chị L và anh D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ: Chị Bùi Thúy L và anh Lê Khánh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thúy L phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E theo biên lai thu số 0003298 ngày 04/6/2020.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Chi cục THA huyện E;
- UBND thị trấn E;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

(Đã ký)

Lưu Quốc Chính